

KẾT QUẢ GIÁM SÁT NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC THÁNG 11 NĂM 2025

I. Thông số giám sát và giá trị thực tế

Bảng 1:

Thời gian	Chất rắn lơ lửng (TSS)	COD	pH	Nhiệt độ (TEMP)	Amoni (N-NH4+)
	mg/l	mg/l	-	độ C	mg/l
Tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 40:2011/BTNMT	45	67.5	6-9	40	4.5
Số giá trị vượt tiêu chuẩn	0	0	0	0	1
1/11/2025	0.09	14.40	6.98	27.40	0.21
2/11/2025	0.02	14.53	7.07	26.89	0.08
3/11/2025	0.01	14.61	7.10	26.70	0.04
4/11/2025	0.07	14.83	7.08	26.03	0.26
5/11/2025	0.07	15.37	7.17	25.75	0.05
6/11/2025	0.03	15.18	7.20	25.97	0.10
7/11/2025	0.05	15.50	7.23	26.34	0.22
8/11/2025	0.07	16.21	7.18	26.92	0.01
9/11/2025	0.00	16.31	7.18	27.59	6.15
10/11/2025	0.47	16.35	7.33	27.21	3.81
11/11/2025	0.42	15.80	7.28	26.91	0.10
12/11/2025	0.14	15.52	7.05	26.92	0.03
13/11/2025	1.28	15.94	6.76	26.94	0.06
14/11/2025	0.16	16.57	7.16	27.41	0.05
15/11/2025	0.08	16.37	7.28	27.08	0.01
16/11/2025	0.40	16.47	7.24	26.71	0.00
17/11/2025	0.16	17.07	7.41	27.08	0.01
18/11/2025	1.42	17.47	7.44	26.41	0.00
19/11/2025	0.17	18.08	7.30	26.25	0.01
20/11/2025	0.01	17.78	7.30	25.89	0.00
21/11/2025	0.01	17.61	7.27	25.45	0.01
22/11/2025	0.01	18.09	7.30	25.41	0.00
23/11/2025	0.00	17.81	7.27	25.06	0.01
24/11/2025	0.00	17.86	7.37	24.28	0.46
25/11/2025	0.00	18.80	7.35	25.63	0.26
26/11/2025	0.01	19.58	7.44	25.54	0.00
27/11/2025	0.04	19.61	7.50	25.55	0.00
28/11/2025	0.00	19.17	7.49	25.35	0.00
29/11/2025	0.00	19.48	7.55	25.11	0.00
30/11/2025	0.00	19.76	7.49	25.04	0.00

Bảng 2:

Thời gian	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 1)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 2)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 3)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 4)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 5)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 6)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 7)	Lưu lượng đầu vào (FLOW IN 8)	Lưu lượng đầu ra (FLOW-OUT)
	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h	m3/h
Tiêu chuẩn xả thải theo QCVN 40:2011/BTNMT	-	-	-	-	-	-	-	-	40
Số giá trị vượt tiêu chuẩn	-	-	-	-	-	-	-	-	0
1/11/2025	1.49	1.58	0.40	2.18	0.12	1.56	0.90	3.97	9.1
2/11/2025	0.48	0.15	0.25	0.00	0.26	8.75	0.06	2.76	6.3
3/11/2025	1.34	0.27	0.32	0.00	0.22	1.45	1.22	4.25	7.7
4/11/2025	0.95	0.09	0.42	0.01	0.43	1.41	1.56	5.33	11.0
5/11/2025	0.00	0.16	0.49	0.03	0.98	0.76	1.87	4.89	18.2
6/11/2025	0.00	0.53	0.43	0.01	1.00	0.41	0.69	4.32	17.3
7/11/2025	1.54	0.03	0.37	0.01	0.48	0.44	1.72	3.86	9.3
8/11/2025	1.71	0.18	0.35	0.02	0.54	0.48	0.90	4.04	23.6
9/11/2025	1.48	0.04	0.11	0.02	0.80	6.80	2.39	2.84	3.3
10/11/2025	0.81	0.34	0.42	0.99	0.20	1.64	0.67	3.35	11.3
11/11/2025	0.11	0.07	0.61	0.00	0.89	0.68	1.96	4.46	17.9
12/11/2025	0.00	0.10	0.69	0.00	1.08	0.42	1.75	5.12	14.0
13/11/2025	0.00	0.20	0.72	0.00	1.12	0.48	1.56	4.92	13.0
14/11/2025	0.00	0.13	0.68	0.00	0.88	0.42	1.79	4.50	10.6
15/11/2025	0.00	0.03	0.64	0.00	1.09	0.42	1.18	3.56	11.0
16/11/2025	0.00	0.04	0.29	0.42	1.06	2.28	3.04	1.38	2.0
17/11/2025	0.64	0.00	0.53	0.00	0.96	0.39	1.34	3.88	6.4
18/11/2025	2.58	0.08	0.68	0.00	0.41	0.37	2.26	5.71	8.3
19/11/2025	1.33	0.05	0.70	0.00	0.47	0.36	1.89	3.94	9.0
20/11/2025	0.00	0.10	0.66	0.00	1.15	0.39	1.80	3.99	7.0
21/11/2025	0.00	0.00	0.51	0.00	0.96	1.39	1.83	4.49	6.8
22/11/2025	0.05	0.01	0.41	0.00	1.25	1.41	1.46	3.56	6.8
23/11/2025	0.00	0.05	0.07	0.00	0.63	3.74	0.51	1.10	1.6
24/11/2025	0.00	0.94	0.26	0.57	0.10	2.13	0.59	3.35	3.3
25/11/2025	0.00	0.29	0.52	0.00	0.09	1.45	2.01	4.49	6.6
26/11/2025	0.00	0.32	0.41	0.00	0.11	1.36	1.39	5.57	5.5
27/11/2025	0.11	0.11	0.56	0.27	0.12	1.56	2.08	4.33	6.1
28/11/2025	0.00	0.00	0.32	0.00	0.34	1.39	2.18	4.01	6.5
29/11/2025	0.00	0.08	0.38	0.00	0.53	1.25	1.97	4.66	7.7
30/11/2025	0.00	0.00	0.11	0.00	0.32	2.90	0.15	2.21	6.0

II. Nhận xét

- Hầu hết các thông số nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải.
- Trong tháng 11/2025, có 1 vấn đề bất thường về dữ liệu như sau: Giá trị NH4 bị vượt tiêu chuẩn ngày 09/11/2025 do lỗi thiết bị giám sát tự động liên tục (giá trị thực tế vẫn đảm bảo giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/ BTNMT). Công ty đã khắc phục và báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các hành động kiểm soát chất lượng nước thải và đảm bảo chất lượng nước xả thải đạt tiêu chuẩn Pháp Luật.